

TAND HUYỆN S
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 11/2017/HNGĐ - ST

Ngày 29- 9 - 2017

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Kim
2. Ông Doãn Đức Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà – Thư ký TAND Huyện S

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Nguyệt Quế – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐĐVAXX ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị O - SN: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 4, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Văn H - SN: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị O trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị O và anh Lê Văn H kết hôn với nhau năm 2003, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Chị O và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp

nhau, mỗi người một ý, không ai nghe ai nên liên tục xảy ra va chạm. Đến năm 2010 chị đi xuất khẩu lao động. Năm 2013 chị về nước vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Tháng 4/2014 chị về ở hẳn nhà bố đẻ của chị và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị O xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Anh Lê Văn H trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như việc chị O đi xuất khẩu lao động như chị O trình bày trên là đúng. Theo anh, vợ chồng không mâu thuẫn gì nhiều. Nay chị O có đơn xin ly hôn quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn vì con đang còn nhỏ không muốn ảnh hưởng đến việc học tập của con.

2. Về con chung: Chị O và anh H thống nhất có 01 con chung là Lê Văn H1 - sinh ngày 20/10/2004. Ly hôn anh, chị đều có nguyện vọng nuôi con. Nếu được nuôi con chị O không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Về tài sản và công nợ: Anh H và chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về con: chị O đồng ý giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H1 thành niên.

Ý kiến của đại diện VKS: Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Huyện S đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật HNGĐ. Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu của chị O được ly hôn anh H. Về con: Giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị O cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 1.500.000đ, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H1 thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn mà bị đơn cư trú tại huyện S, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện S; căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

Bị đơn là anh Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị O kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Chị O có đơn xin ly hôn, anh H không đồng ý. Tuy nhiên anh H không đồng ý ly hôn vì con đang còn nhỏ chứ không phải vì tình cảm vợ chồng đang còn. Qua xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương cũng thể hiện vợ chồng anh chị đã không ở cùng nhau từ năm 2010 đến nay. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị O đã không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay. HĐXX xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chấp nhận xử cho chị O được ly hôn anh H; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Anh H đề nghị được trực tiếp nuôi con, chị O cũng đồng ý. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu H1 ở với anh H, nguyện vọng của cháu H1 xin được ở với bố, nên giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị O tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 1.500.000đ, kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi cháu H1 thành niên. Việc chị O cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh H và chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị O phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ. Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của BLTTDS. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 của Luật HNGĐ. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị O được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn H1 - sinh ngày 20/10/2004 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị O cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H1 thành niên.

Chị O có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Chị O, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị O chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 2496 ngày 16/8/2017 của Chi cục THADS huyện S. Chị O còn phải nộp 300.000đ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã N, huyện T;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thủy